

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS-ST
Ngày: 18-4-2023
*“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Sáu

2. Bà Đặng Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bình Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 218/2022/TLST-DS, ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số 213, ấp 1, xã T H, huyện Bến Lức, tỉnh Long An (có mặt)

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1967 (vắng mặt)

2. Bà Lê Thị K, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã T H, huyện Bến Lức, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2022, lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa được tóm tắt như sau:

Bà và vợ chồng ông Nguyễn Văn A, bà Lê Thị K quen biết nhau do ở cùng địa phương. Ngày 18/11/2020, bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn A, bà Lê Thị K vay số tiền 80.000.000 đồng để cho vợ chồng ông A, bà K xoay sở chuyển

gia đình. Khi vay, hai bên có lập thành văn bản là giấy mượn tiền, không thỏa thuận lãi suất, các bên thỏa thuận thời hạn trả tiền là 30 ngày kể từ ngày vay thì vợ chồng ông A, bà K sẽ trả lại tiền. Khi vay, ông A, bà K không có thể chấp tài sản cho bà. Đến ngày 27/11/2021, vợ chồng ông Nguyễn Văn A, bà Lê Thị K tiếp tục hỏi mượn thêm bà số tiền 30.000.000 đồng. Lần vay này, hai bên có lập thành văn bản là giấy mượn tiền, không thỏa thuận lãi suất, các bên thỏa thuận thời hạn trả tiền là 30 ngày kể từ ngày vay thì vợ chồng ông A, bà K sẽ trả lại tiền cho bà. Khi vay số tiền này, ông A, bà K không có thể chấp tài sản cho bà.

Đến hạn trả tiền, mặc dù bà T đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông A, bà K vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Bà T xác định từ khi vay đến nay, ông Nguyễn Văn A, bà Lê Thị K không thanh toán cho bà bất kỳ khoản tiền nào.

Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn A, bà Lê Thị K có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho bà số tiền 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng), bà không yêu cầu tính lãi. Số tiền cho vay này là tài sản của cá nhân bà T không liên quan gì đến các thành viên khác trong gia đình bà. Ngoài ra, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Ông Nguyễn Văn A, bà Lê Thị K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ông A, bà K hoàn trả cho bà T số tiền nợ vay nhưng ông A, bà K đều vắng mặt và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ án cũng như không có văn bản gì trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông A, bà K phải hoàn trả cho bà T số tiền gốc vay là 110.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là 02 Giấy mượn tiền lập ngày 18/11/2020 và ngày 27/11/2021 giữa bà T với ông A, bà K để làm căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Xét thấy, bị đơn ông Nguyễn Văn A, bà Lê Thị K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có bất kỳ văn bản nào phản đối ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn A, bà Lê Thị K phải hoàn trả cho bà số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Do tranh chấp giữa các cá nhân, bị đơn là ông Nguyễn Văn A, bà Lê Thị K có địa chỉ cư trú tại ấp 2, xã T H, huyện Bến Lức, tỉnh Long An nên quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Văn A, bà Lê Thị K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Anh, bà Khuyên.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Nguyễn Văn A, bà Lê Thị K phải hoàn trả số tiền vay 110.000.000 đồng, thấy rằng: Qua xem xét 02 Giấy mượn tiền lập ngày 18/11/2020 và ngày 27/11/2021 giữa bà T với ông A, bà K do bà T cung cấp thì việc vay tiền giữa bà T và ông A, bà K là tự nguyện, các bên tham gia giao dịch có đủ năng lực hành vi, mục đích và nội dung của hợp đồng không trái quy định của pháp luật, tại mục "NGƯỜI MƯỢN TIỀN" có chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Văn A và tại phần "NGƯỜI THỪA KẾ TRẢ TIỀN" thì có chữ ký của bà Lê Thị K nên có căn cứ thể hiện bị đơn đã nhận khoản tiền vay như nguyên đơn trình bày và hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 30 ngày (kể từ ngày 18/11/2020 và 27/11/2021). Từ đó có cơ sở cho rằng hợp đồng vay nêu trên là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn theo quy định tại các Điều 463, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Trong quá trình thực hiện giao dịch vay, ông A, bà K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay như thỏa thuận đã gây thiệt hại cho quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Hơn nữa, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bị đơn thực hiện quyền cung cấp chứng cứ và quyền chứng minh của mình nhưng bị đơn cố tình vắng mặt, trong khi theo Giấy yêu cầu xác minh ngày 02/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức thì Công an xã T H xác nhận thông tin ông Nguyễn Văn A, bà Lê Thị K có đăng ký thường trú và hiện có cư trú, sinh sống tại địa phương. Việc bị đơn không đến toà và cũng không cung cấp bất kỳ chứng cứ, tài liệu nào phản bác lại yêu cầu và trình bày của nguyên đơn thì xem như ông A, bà K phải chịu hoàn toàn trách nhiệm pháp lý đối với sự vắng mặt của mình và bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với số tiền mà nguyên đơn khởi kiện. Mặc khác, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Từ đó cho thấy lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị đơn ông Nguyễn Văn A, bà Lê Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T: Buộc ông Nguyễn Văn A, bà Lê Thị K phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 358, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn A, bà Lê Thị K phải chịu 5.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 2.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012253 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VK SND huyện Bến Lức;
- THA huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Thúy